**Sở:…………………………… Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh**

**Năm học 2024-2025**

Môn: Địa lí

Thời gian làm bài 90 phút

Ngày …./……/……….

*Họ và tên: ………………………………………..lớp:……………………………………………………….*

*Số báo danh:……………………………………………………………….................................................*

***A.*PHẦN TRẮC NGHIỆM**

**Phần 1: Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (16 câu)**

**Câu 1.** Nhân tố nào sau đây ảnh hưởng nhiều đến sự khác nhau về nhiệt độ giữa bờ Đông và Tây lục địa?

**A**. Dòng biển nóng, dòng biển lạnh. **B.** Dòng biển lạnh, độ cao địa hình.

**C.** Độ cao địa hình, các vĩ độ địa lí. **D**. Các vĩ độ địa lí, dòng biển nóng.

**Câu 2.** Phát biểu nào sau đây **khôn**g đúng đối với sự phân bố nhiệt độ không khí theo địa hình?

**A**. Càng lên cao, nhiệt độ càng giảm. **B**. Nhiệt độ thay đổi theo hướng sườn núi.

**C.** Nhiệt độ sườn dốc cao hơn sườn thoải. **D.** Càng lên cao, biên độ nhiệt độ càng lớn.

**Câu 3.** Nguyên nhân hình thành gió mùa chủ yếu là do

**A.** sự nóng lên hoặc lạnh đi không đều giữa lục địa và đại dương theo mùa.

**B**. sự phân bố các vành đai áp xen kẽ và đối xứng nhau qua áp thấp xích đạo.

**C.** các lục địa và các đại dương có biên độ nhiệt độ năm khác nhau theo mùa.

**D**. hoạt động của gió kết hợp với độ cao, độ dốc và hướng sườn núi theo mùa.

**Câu 4:** Ý nào sau đây **không** đúng khi nói về lí do khi ASEAN nhấn mạnh đến sự ổn định trong mục tiêu của mình?

**A.**Mỗi nước trong khu vực, từng thời kì đều chịu ảnh hưởng của sự mất ổn định

**B.**Giữa các nước còn có sự tranh chấp phức tạp về biên giới, vùng biển đảo

**C.**Giữ ổn định khu vực sẽ không tạo lí do để các cường quốc can thiệp

**D.**Khu vực đông dân, tỉ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm còn cao

**Câu 5:** Phát biểu nào sau đây thể hiện rõ nhất sự phát triển kinh tế **không** đều của các nước ASEAN?

**A.** GDP một số nước rất cao, trong khi nhiều nước thấp.

**B.** Số hộ đói nghèo giữa các quốc gia không giống nhau.

**C.** Quá trình và trình độ đô thị hóa các quốc gia khác nhau.

**D.** Việc sử dụng tài nguyên ở nhiều quốc gia chưa hợp lí.

**Câu 6.** Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc nên có

**A.** Lượng bức xạ mặt trời lớn, nhiệt độ trung bình năm cao.

**B.** Tài nguyên khoáng sản, tài nguyên sinh vật phong phú.

**C.** Lượng mưa và độ ẩm lớn, thiên nhiên phân hóa đa dạng.

**D.** Thiên tai, khí hậu và thành phần tự nhiên phân mùa rõ rệt.

**Câu 7:** Nguyên nhânchủ yếu làm cho biên độ nhiệt trung bình năm ở miền Bắc lớn?

**A**. Vị trí địa lý và độ cao địa hình. **B**. Địa hình và hoạt động gió mùa.

**C**. Vị trí địa lý và hoạt động gió mùa. **D**. Hình dáng lãnh thổ và dải hội nhiệt đới.

**Câu 8.** Nguồn tài nguyên sinh vật dưới nước, đặc biệt là nguồn hải sản bị giảm sút rõ rệt do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

**A.** Ô nhiễm môi trường nước và khai thác quá mức. **B.** Khai thác quá mức và bùng phát dịch bệnh.

**C.** Dịch bệnh và các hiện tượng thời tiết thất thường. **D.** Thời tiết thất thường và khai thác quá mức.

**Câu 9.** Đặc điểm của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa của nước ta là do

**A.** Vị trí địa lí, hình dáng lãnh thổ quy định **B**. Ảnh hưởng của gió thổi theo mùa

**C**. Sự phân hóa phức tạp của địa hình. **D**. Ảnh hưởng của Biển Đông.

**Câu 10.** Cơ cấu kinh tế nước ta hiện nay chuyển dịch theo hướng

**A.** Tăng dịch vụ, giảm công nghiệp. **B.** Tăng công nghiệp, giảm nông nghiệp.

**C.** Giảm chăn nuôi, tăng trồng trọt. **D.** Giảm chế biến, tăng khai khoáng.

**Câu 11.** Điều kiện tự nhiên nào sau đây thuận lợi cho việc phát triển ngành nuôi trồng thủy sản ở nước ta?

**A.**Vùng biển có nguồn lợi hải sản phong phú. **B.**Vùng biển rộng, có nhiều ngư trường trù phú.

**C.**Tổng trữ lượng hải sản lớn, có nhiều đặc sản giá trị cao.

**D.** Có nhiều vũng vịnh, đầm phá, các cánh rừng ngập mặn.

**Câu 12.** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với vị trí địa lí của nước ta?

**A**. Nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

**B**. Nằm trong khu vực có nhiều thiên tai.

**C**. Nằm trong khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của gió Tín phong.

**D**. Nằm trong khu vực chịu tác động mạnh của gió Tây ôn đới.

**Câu 13.** Khó khăn chủ yếu của vùng đồi núi là

**A.** Động đất, bão và lũ lụt. **B.** Lũ quét, sạt lở, xói mòn.

**C.** Bão nhiệt đới, mưa kèm lốc xoáy. **D.** Mưa giông, hạn hán, cát bay.

**Câu 14:** Loại gió nào sau đây vừa gây mưa cho vùng ven biển Trung bộ, vừa là nguyên nhân chính tạo nên mùa khô ở Nam Bộ và Tây Nguyên

**A.** Gió mùa Đông Bắc. **B.** Tín phong bán cầu Nam.

**D.** Gió mùa Tây Nam. **C.** Tín phong bán cầu Bắc.

**Câu 15:** Nhân tố chủ yếu nào sau đây làm cho gió mùa đông bắc xâm nhập sâu vào nước ta?

**A.** Phía bắc giáp Trung Quốc. **B.** Các dãy núi chủ yếu có hướng tây bắc - đông nam

**C.** Nước ta có nhiều đồi núi. **D.** Hướng vòng cung của các dãy núi ở vùng Đông Bắc.

**Câu 16:** Nguyên nhân chính dẫn đến sự phân hóa lượng mưa theo không gian ở nước ta là

**A.** tác động của hướng các dãy núi. **B.** sự phân hóa độ cao của địa hình.

**C.** tác động của gió mùa và sông ngòi. **D.** tác động của gió mùa và địa hình.

**PHẦN II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI**

**Câu 1:** Cho đoạn thông tin sau:

Gió phơn hình thành và chuyển động song song với mặt đất. Khi bị núi chắn ngang thì gió phải vượt lên cao, lên tầng không khí loãng và lạnh hơn, khiến cho hơi nước ngưng tụ, gây mưa bên triền núi hứng gió và đồng thời làm gió giảm áp suất. Khi đã qua đỉnh núi thì gió trở thành một luồng khí khô hạ áp nên khi đi từ trên cao xuống, gặp không khí đặc hơn gió sẽ bị nén lại. Quá trình đó làm tăng nhiệt độ của gió (quá trình đoạn nhiệt trong nhiệt động lực học).

A.Gió phơn có thể xuất hiện ở nhiều dạng địa hình khác nhau trên trái đất.

B.Ở sườn đón gió nhiệt độ thấp hơn sườn khuất gió (cùng độ cao).

C.Ở sườn khuất gió thường không có mưa trong thời kì gió hoạt động.

D.Dãy núi càng cao, thì khi xuống núi mức gia tăng nhiệt độ càng lớn và càng khô.

**Câu 2:** Cho bảng số liệu: Nhiệt độ trung bình tại một số địa điểm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Địa điểm** | **Nhiệt độ trung bình tháng 1(0C)** | **Nhiệt độ trung bình tháng 7 (0C)** | **Nhiệt độ trung bình năm (0C)** |
| Lạng Sơn | 13,3 | 27,0 | 21,2 |
| Hà Nội | 16,4 | 28,9 | 23,5 |
| Huế | 19,7 | 29,4 | 25,1 |
| Đà Nẵng | 21,3 | 29,1 | 25,5 |
| Quy Nhơn | 23,0 | 29,7 | 26,8 |
| TP. Hồ Chí Minh | 25,8 | 27,1 | 27,1 |

**A.** Nhiệt độ trung bình năm nước ta tăng dần từ Bắc vào Nam.

**B.** Biên độ nhiệt năm tăng dần từ Bắc vào Nam.

**C.** Nước ta nằm trong vùng nhiệt đới.

**D.** Miền Bắc chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc vào mùa đông.

**PHẦN III: TRẮC NGHIỆM NGẮN**

**Câu 1:** Cho bảng số liệu

SỐ DÂN VÀ TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á NĂM 2020

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | **In-đô-nê-xi-a** | **Cam-pu-chia** | **Ma-lai-xi-a** | **Phi-lip-pin** |
| Dân số *(triệu người)* | 271,7 | 15,5 | 32,8 | 109,6 |
| Dân thành thị (%) | 56,7 | 23,8 | 76,6 | 47,1 |

*(Nguồn: Niên giám thông kê Việt Nam 2020, NXB Thông kê, 2021)*

Theo bảng số liệu, cho biết quốc gia nào sau đây có số dân nông thôn ít nhất?

**A.** In-đô-nê-xi-a. **B.** Cam-pu-chia. **C.** Ma-lai-xi-a. **D.** Phi-lip-pin.

**Câu 2:** Cho bảng số liệu:

Dân số trung bình phân theo giới tính của nước ta, giai đoạn 2000 – 2019

*(Đơn vị:* *Nghìn người)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2000** | **2005** | **2010** | **2014** | **2019** |
| Tổng dân số | 77631 | 82392 | 86947 | 90729 | 96208 |
| Dân số nam | 38165 | 40522 | 42993 | 44758 | 47881 |
| Dân số nữ | 39466 | 41870 | 43954 | 45971 | 48327 |

(*Nguồn: Niên giám thống kê 2019. NXB Thống kê 2020*

Tính tỉ số giới tính của nước ta trong giai đoạn trên. (Làm tròn đến số thập phân thứ nhất của %)

**Câu 3. Cho bảng số liệu: Giá trị xuất nhập khẩu của Nhật Bản qua các năm ( Đơn vị : tỉ USD)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1990** | **1995** | **2000** | **2004** | **2010** | **2015** |
| Xuất khẩu | 285,6 | 443,1 | 479,2 | 565,7 | 769,8 | 624,8 |
| Nhập khẩu | 235,4 | 335,9 | 379,5 | 454,5 | 692,4 | 648,3 |

Tính cán cân XNK của Nhật Bản năm 2015? *Làm tròn đến hàng đơn vị của* tỉ USD)

**Câu 4**: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG LÚA CỦA NƯỚC TA, NĂM 2015 VÀ 2021

*(Đơn vị: nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng số** | **Lúa đông xuân** | **Lúa hè thu và thu đông** | **Lúa mùa** |
| 2015 | 45091,0 | 21091,7 | 15341,3 | 8658,0 |
| 2021 | 43852,6 | 20628,8 | 15163,5 | 8060,3 |

Tính tỉ trọng sản lượng lúa theo mùa vụ nước ta năm 2021.Làm tròn đến số thập phân thứ nhất của đơn vị %

1. **TỰ LUẬN (4 điểm)**

**Câu 1. (2 điểm).** Dựa vào kiến thức đã học.

a.Phân tích tác động của địa hình đồi núi đến sự phân hóa khí hậu theo độ cao ở nước ta.

b.Phân tích ý nghĩa của vị trí địa lí đối với tự nhiên nước ta.

**Câu 2 (2 điểm).** Dựa vào kiến thức đã học.

Hãy giải thích tạo sao miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ thường xảy ra lũ quét và sạt lở đất? Em hãy đề xuất các giải pháp nhằm hạn chế hậu quả của các thiên tai trên.

-------- Hết ------

ĐÁP ÁN KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH

**Năm học 2024-2025**

**Môn: Địa lí**

1. **TRẮC NGHIỆM**

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Câu** | **Đáp án** |
| **1** | A | **9** | A |
| **2** | D | **10** | B |
| **3** | A | **11** | D |
| **4** | A | **12** | D |
| **5** | A | **13** | B |
| **6** | A | **14** | C |
| **7** | C | **15** | D |
| **8** | A | **16** | D |

**PHẦN II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1** | **Đáp án** |
| **A** | Sai |
| **B** | Đúng |
| **C** | Đúng |
| **D** | Đúng |
| **Câu 2** | **Đáp án** |
| **A** | Đúng |
| **B** | Sai |
| **C** | Đúng |
| **D** | Đúng |

**Lưu ý: Đúng 1c=0,1đ; đúng 2c=0,2đ; đúng 3c 0,3đ; đúng 4c 0,5đ.**

**PHẦN III: TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN**

(mỗi câu đúng 0,25 đ)

**Câu 1.**

Cách tính:

+ Bước 1: Tính số dân thành thị

=> Công thức: Số dân thành thị = tỉ lệ dân thành thị x dân số/100

+ Bước 2: tính số dân nông thôn ở mỗi quốc gia = dân số - số dân thành thị.

Đáp án: C =7,7 triệu người. (Ma-lai-xi-a)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | **In-đô-nê-xi-a** | **Cam-pu-chia** | **Ma-lai-xi-a** | **Phi-lip-pin** |
| Số dân thành thị (triệu người) | 154 | 3,4 | 25,1 | 51,6 |
| Số dân nông thôn (triệu người) | 63,7 | 12,1 | 7,7 | 58 |

**Câu 2.**

Hướng dẫn làm bài

Tỉ số giới tính =

-Tính tỉ số giới tính của nước ta trong giai đoạn trên. Đơn vị:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2000** | **2005** | **2010** | **2014** | **2019** |
| Tỉ số giới tính | 96,7 | 96,7 | 97,8 | 97,4 | 99,0 |

**Câu 3.**

Xuất –Nhập

=> -23,5 =>- 24 Đáp án -24

**Câu 4:** Đơn vị : %

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng số** | **Lúa đông xuân** | **Lúa hè thu và thu đông** | **Lúa mùa** |
| 2015 | 100 | 46,8 | 34,0 | 19,2 |
| 2021 | 100 | 47,0 | 34,6 | 18,4 |

1. **TỰ LUẬN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu | Nội dung | Điểm |
| 1 | a Địa hình đồi núi là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến khí hậu theo độ cao: -Độ cao địa hình làm bảo toàn tính chất nhiệt đới: Địa hình thấp dưới 1000m chiếm 85% diện tích lãnh thổ nên tính chất nhiệt đới được bảo toàn ở vành đai chân núi. -Độ cao địa hình tác động đến chế độ nhiệt: + Càng lên cao, nhiệt độ càng giảm, vì vậy ở những vùng núi cao thường có nhiệt độ thấp hơn ở các vùng núi thấp và đồng bằng.. Độ cao địa hình tạo ra các đai khí hậu theo độ cao: Ngoài phần lớn diện tích là đồi núi thấp, nước ta còn có các đỉnh núi cao trên 2000m, các cao nguyên, sơn nguyên cao, các dãy núi cao và đồ sộ nên khí hậu có phân hóa theo độ cao khá rõ: + Đai nhiệt đới gió mùa chân núi (miền Bắc đến độ cao 600-700m, miền Nam đến độ cao 900-1000m): Khí hậu nhiệt đới gió mùa biểu hiện rõ ở nền nhiệt độ cao, mùa hạ nóng; độ ẩm thay đổi từng nơi: từ khô hạn đến ẩm ướt. + Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi (miền Bắc từ 600-700m đến 2600m, miền Nam từ 900-1000m đến 2600m): Khí hậu mát mẻ, không có tháng nào nhiệt độ cao trên 25 độ C, mưa nhiều hơn, độ ẩm tăng. + Đai ôn đới gió mùa trên núi (trên 2600 m, chỉ có ở dãy Hoàng Liên Sơn): khí hậu có nét giống khí hậu ôn đới, quanh năm nhiệt độ dưới 15 độ C, mùa đông xuống dưới 5 độ C.  b. Phân tích ý nghĩa của vị trí địa lí đối với tự nhiên nước ta.  - Đặc điểm vị trí địa lí: Việt Nam nằm ở rìa phía Đông của bán đảo Đông Dương, gần trung tâm khu vực Đông Nam Á. Về phía Bắc, Việt Nam giáp Trung Quốc; về phía Tây, giáp Lào và Campuchia; còn về phía Đông và Nam, giáp biển Đông. Biển Việt Nam tiếp giáp với các vùng biển của Trung Quốc, Campuchia, Philippines, Malaysia, Brunei, Indonesia và Thái Lan.  - Ý nghĩa về tự nhiên: +Khí hậu của Việt Nam nằm trong vành đai nội chí tuyến với nhiệt độ cao và độ ẩm lớn quanh năm:  -Với khí hậu này, Việt Nam có sự đa dạng về thiên nhiên, khoáng sản phong phú và tài nguyên sinh vật phong phú và quý hiếm.  - Nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, thiên nhiên phân hóa đa dạng và chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển. Việt Nam là nơi giao nhau của các luồng di cư sinh vật, mang lại nguồn lợi sinh vật trù phú và đa dạng về thành phần loài là cơ sở quan trọng cho sự phát triển kinh tế.  + Vị trí đặc biệt của Việt Nam nằm liên kết với lục địa Á – Âu và tiếp giáp với Thái Bình Dương cũng như ở ngã tư của các tuyến hàng hải và hàng không quốc tế, giúp nước ta dễ dàng giao lưu với các nước trong khu vực và thế giới. Việt Nam cũng là cửa ngõ ra biển của các quốc gia như Lào, Đông Bắc Campuchia, Thái Lan và Tây Nam Trung Quốc. Điều này tạo điều kiện cho việc hội nhập, hợp tác và chuyển giao công nghệ, góp phần phát triển các ngành kinh tế và thu hút vốn đầu tư nước ngoài.  +Việt Nam nằm trong khu vực Đông Nam Á, nơi có hoạt động kinh tế sôi động. Điều này giúp nước ta có cơ hội trao đổi và học hỏi kinh nghiệm từ các nước trong khu vực.  + Nằm trong vùng có nhiều tài nguyên thiên nhiên (dẫn chứng) | **1,0đ**  0,25đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ  **1,0 đ**  0,25đ  0,75đ |
| 2 | \*Giải thích:  - Mưa lớn ở nơi có sườn núi dốc, địa hình bị chia cắt mạnh, lớp phủ thực vật thưa đã tạo nên lũ ống, lũ quét có sức tàn phá lớn, cuốn phăng mọi vật cản trên đường, trong đó có nhà cửa, công trình, cây cối.  - Ở vùng cao bà con thường san gạt mặt bằng dưới chân đồi núi để xây dựng nhà cửa. Khi mưa lớn xảy ra, gây sạt lở, kéo đất từ ta luy dương sau nhà và từ trên đồi cao ùn ùn đổ xuống không kịp trở tay.  - Địa hình miền núi dốc, đồi đất đá xen kẹp, đất đá phong hóa và đã bị nhàu nát do địa chất lâu năm, việc mưa  dài ngày đã ủ nước trên các triền dốc có địa chất phong hóa đó, khi có một trận mưa lớn trong cường độ thời gian ngắn thì sẽ gây sụt sạt là rất lớn xảy ra".  - Rừng mất nhiều ở Tây Bắc suốt mấy chục năm qua cũng có thể coi là một nguyên nhân khiến tình trạng mưa lũ trở nên nghiêm trọng, khốc liệt hơn  \*Giải pháp.  - Cần làm tốt công tác cảnh báo về diễn biến thời tiết.  - Di dời dân đến các khu vực an toàn  - Cần tăng cường áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong công tác quan trắc, cảnh báo, ứng dụng các giải pháp công trình giảm nhẹ rủi ro thiên tai, lũ quét, sạt lở đất.  -Hạn chế tác động tiêu cực đến tự nhiên. (dẫn chứng)  -Các giải pháp khác. | **1,0đ**  0,25đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ  **1,0đ** |

Hết